

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.**

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 305/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 51/6, đường ĐX026, tổ 14, khu 3, phường P, thành phố M, tỉnh B.

- Ông Phạm Đình D, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 51/6, đường ĐX026, tổ 14, khu 3, phường P, thành phố M, tỉnh B.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/10/2024, bà Bùi Thị Kim T và ông Phạm Đình D đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Bùi Thị Kim T và ông Phạm Đình D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc bà Bùi Thị Kim T và ông Phạm Đình D thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 15/6/2006 và Phạm Đình Minh Q, sinh ngày 28/12/2018. Con chung Phạm Minh T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn ông bà T và ông D thỏa thuận con chung Phạm Đình Minh Q, sinh ngày 28/12/2018 do bà Bùi Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng: Ông Phạm Đình D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Kim T và ông Phạm Đình D mỗi người phải nộp 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0003143 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim T và ông Phạm Đình D thuận tình ly hôn.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm Đình Minh Q, sinh ngày 28/12/2018 cho bà Bùi Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Đình D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000 (sáu triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Kim T và ông Phạm Đình D mỗi người phải nộp 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0003143 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố Mô;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**THẨM PHÁN**

**Lại Thị Ngọc Liên**